TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 845/2024/DS-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Bá Bằng

Ông Trần Quốc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân quận X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận X tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận X, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 737/2024/DSST ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 363/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ liên hệ: Tầng 9, Tòa nhà F, Số 31 đường D, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà L.N.L– sinh năm: 1999; Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà F, số 31 đường D, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 52/2023/UQ-BSP.HCM.24 ngày 26/4/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà T.T.B.P, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 87/25 đường số 27, khu phố M, Phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà L.N.Ltrình bày:

Bank S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho bà T.T.B.P vay tiền theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23025PL ngày 27/02/2023, chi tiết như sau: số tiền cho vay 289.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 48 tháng (từ ngày 27/02/2023 đến ngày 27/02/2027), mục đích cho vay: mua hàng hóa tiêu dùng bền, phương thức giải ngân: giải ngân vào tài khoản số 070-008-0004525-1 của bà T.T.B.P mở tại Ngân hàng S – Chi nhánh Tp.HCM, lãi suất trong hạn cố định 15%/năm từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận cho vay cá nhân, bà T.T.B.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 26/02/2024, Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên.

Tính đến ngày 09/9/2024, bà T.T.B.P còn nợ Ngân hàng các khoản theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23025PL ngày 27/02/202: nợ gốc 257.333.054, lãi trong hạn 17.869.545 đồng, lãi quá hạn 29.092.184 đồng, lãi phạt 1.526.324 đồng. Tổng cộng 305.821.107 đồng.

Kể từ thời điểm giải ngân đến nay, bà T.T.B.P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 55.482.454 đồng, trong đó vốn gốc 31.666.946 đồng, lãi trong hạn 23.742.364 đồng, lãi quá hạn 53.512 đồng, lãi chậm trả trên dư nợ lãi trong hạn 19.632 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu bà T.T.B.P trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 09/9/2024 là 305.821.107 đồng (Ba trăm linh năm triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn một trăm linh bảy đồng), trong đó gồm: nợ gốc 257.333.054 đồng, lãi trong hạn 17.869.545 đồng, lãi quá hạn 29.092.184 đồng, lãi phạt 1.526.324 đồng.

Bà T.T.B.P còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên kể từ ngày 10/9/2024 đến ngày trả hết nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn bà T.T.B.P đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng S do bà L.N.L là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bảo lưu các ý kiến đã trình bày. Đồng thời yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng S, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo xác minh ngày 20/5/2024 của Công an Phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh "Bà T.T.B.P, sinh năm 1993 có thực tế cư trú tại số 87/25 đường số 27, khu phố M, Phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà T.T.B.P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.T.B.P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23025PL ngày 27/02/2023 mà bà T.T.B.P ký với Ngân hàng S cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã đồng ý giải ngân cho bà P với số tiền vay 289.000.000 đồng với mục đích mua hàng hóa tiêu dùng bền. Sau khi vay, bà P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thỏa thuận hai bên đã ký, từ sau khi giải ngân

bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 55.482.454 đồng, trong đó vốn gốc 31.666.946 đồng, lãi trong hạn 23.742.364 đồng, lãi quá hạn 53.512 đồng, lãi chậm trả trên dư nợ lãi trong hạn 19.632 đồng kể từ đó cho đến nay, bà P không thanh toán cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Bà P đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà P phải trả số tiền nợ gốc là 257.333.054 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày xét xử (09/9/2024) gồm lãi trong hạn 17.869.545 đồng, lãi quá hạn 29.092.184 đồng, lãi phạt 1.526.324 đồng và còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên kể từ ngày 10/9/2024 đến ngày trả hết nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 7.053.158 đồng, tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Thương tín là 15.291.055 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T.T.B.P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S (Bank S) số tiền nợ theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23025PL ngày 27/02/2023 giữa bà T.T.B.P và Ngân hàng S (Bank S) số tiền là 305.821.107 đồng (Ba trăm linh năm triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn một trăm linh bảy đồng), tính đến ngày 09/9/2024. Trong đó: nợ gốc 257.333.054 đồng, lãi trong hạn 17.869.545 đồng, lãi quá hạn 29.092.184 đồng, lãi phạt 1.526.324 đồng.

Bà T.T.B.P còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên kể từ ngày 10/9/2024 đến ngày trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà T.T.B.P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.291.055 đồng (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Hoàn lại 7.053.158 đồng (Bảy triệu không trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi tám đồng) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0013700 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận X;
- Chi cục THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang